

Số: 138 /KH-UBND

Duyên Hải, ngày 04 tháng 10 năm 2022

KẾ HOẠCH
**Phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2022 - 2025, định hướng
đến năm 2030 trên địa bàn thị xã Duyên Hải**

Thực hiện Kế hoạch số 59/KH-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Ủy ban nhân dân thị xã Duyên xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện gồm những nội dung, cụ thể sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích:

a) Cụ thể hóa mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp nêu tại kế hoạch phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030 để tổ chức thực hiện trên địa bàn thị xã; xác định các nhiệm vụ chủ yếu, các giải pháp cụ thể và thiết thực gắn với kế hoạch tổ chức theo lộ trình phù hợp nhằm đạt được mục tiêu đề ra.

b) Thúc đẩy phát triển kinh tế số và xã hội số trên địa bàn thị xã; tạo điều kiện phát triển thêm các ngành nghề kinh doanh mới, mở ra các thị trường mới và tạo thêm nhiều nhu cầu việc làm mới; giúp người dân giàu có hơn, hạnh phúc hơn, tham gia các hoạt động xã hội toàn diện hơn, thụ hưởng các chính sách an sinh xã hội thuận lợi hơn,... góp phần phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh.

2. Yêu cầu

a) Các cơ quan, đơn vị tổ chức quán triệt, xác định phát triển kinh tế số, xã hội số là nhiệm vụ trọng tâm; chủ động, thực hiện quyết liệt, thường xuyên, liên tục, tận dụng tốt các nguồn lực đã đầu tư, huy động tối đa các nguồn lực để thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế số, xã hội số thuộc phạm vi quản lý; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc tổ chức thực hiện của các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc; phấn đấu thực hiện hoàn thành đạt và vượt mục tiêu, nhiệm vụ được giao.

b) Ưu tiên đưa hoạt động của người dân, doanh nghiệp lên môi trường số bằng các nền tảng số Việt Nam; chú trọng thực hiện có hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến các hoạt động phát triển kinh tế số và xã hội số của ngành, lĩnh

vực phụ trách; nội dung tuyên truyền, phổ biến phải dễ hiểu, dễ nhớ, dễ thực hiện, có tính lan tỏa trong cộng đồng.

II. MỤC TIÊU

1. Phát triển kinh tế số

a) Mục tiêu cơ bản đến năm 2025

- Tỷ trọng kinh tế số chiếm trên 10% GRDP của thị xã; năng suất lao động tăng bình quân trên 11,5%/năm
- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 10%;
- Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt trên 10%;
- Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử đạt trên 80%;
- Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt trên 30%;
- Tỷ lệ nhân lực lao động kinh tế số trong lực lượng lao động đạt trên 2%.

b) Mục tiêu cơ bản đến năm 2030

- Tỷ trọng kinh tế số đạt 30% GDP;
- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 20%;
- Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt trên 20%;
- Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng nền tảng hợp đồng điện tử đạt 100%;
- Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt trên 70%;
- Tỷ lệ nhân lực lao động kinh tế số trong lực lượng lao động đạt trên 3%.

2. Phát triển xã hội số

a) Mục tiêu cơ bản đến năm 2025

- Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác đạt 80%;
- Tỷ lệ dân số trưởng thành: có điện thoại thông minh đạt 80%;
- Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt trên 50%;
- Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản đạt trên 70%;
- Tỷ lệ hộ gia đình được phủ mạng Internet băng rộng cáp quang đạt 80%;
- Tỷ lệ người dân kết nối mạng được bảo vệ ở mức cơ bản đạt trên 70%;
- Tỷ lệ dân số trưởng thành có sử dụng dịch vụ công trực tuyến đạt trên 50%;

- Tỷ lệ dân số trưởng thành dùng dịch vụ tư vấn sức khỏe trực tuyến, khám chữa bệnh từ xa đạt trên 30%;

- Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử đạt 90%;

- Tỷ lệ các cơ sở đào tạo đại học, cao đẳng, giáo dục nghề nghiệp hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đạt 80%;

- Tỷ lệ các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đạt 70%.

- Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ 100% xã, phường, thị trấn; phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G.

b) Mục tiêu cơ bản đến năm 2030

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt 95%;

- Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác đạt trên 95%;

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt trên 70%;

- Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản đạt trên 80%;

- Tỷ lệ hộ gia đình được phủ mạng Internet băng rộng cáp quang đạt 100%;

- Tỷ lệ người dân kết nối mạng được bảo vệ ở mức cơ bản đạt trên 80%.

- Tỷ lệ dân số trưởng thành dùng dịch vụ công trực tuyến đạt trên 70%;

- Tỷ lệ dân số trưởng thành dùng dịch vụ tư vấn sức khỏe trực tuyến, khám chữa bệnh từ xa đạt trên 50%;

- Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử đạt trên 95%;

- Tỷ lệ các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đạt 95%.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

Theo phụ lục kèm theo

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch từ nguồn ngân sách nhà nước, nguồn đầu tư của doanh nghiệp, cộng đồng và các nguồn kinh phí hợp pháp khác. Trong đó:

1. Kinh phí từ ngân sách để thực hiện nhiệm vụ, giải pháp do cơ quan nhà nước chủ trì thực hiện, gồm:

a) Nguồn kinh phí đầu tư chi để thực hiện các nhiệm vụ, dự án: Đầu tư xây dựng các hệ thống thông tin, nền tảng số, mua sắm phần cứng, phần mềm, công nghệ, trang thiết bị và xây dựng các cơ sở vật chất, hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế số, xã hội số.

b) Nguồn kinh phí thường xuyên chi để thực hiện chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ: Nghiên cứu, xây dựng thể chế, chính sách; thúc đẩy chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số; điều tra, khảo sát, thống kê, đo lường, đánh giá chỉ số phát triển, ảnh hưởng tác động; thuê, mua sử dụng, thúc đẩy phát triển các nền tảng số; tạo lập, cập nhật, lưu trữ và chia sẻ, sử dụng dữ liệu số; đảm bảo an toàn thông tin mạng; đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nhân lực số, kỹ năng số, công dân số, văn hóa số; hỗ trợ, tư vấn chuyển đổi số doanh nghiệp; thông tin, tuyên truyền; duy trì, vận hành các hệ thống thông tin, nền tảng số; các nhiệm vụ khác thuộc kế hoạch có tính chất chi thường xuyên.

2. Các doanh nghiệp, cơ sở giáo dục, đào tạo bố trí kinh phí từ ngân sách tự chủ của mình để thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp. Các đơn vị có nguồn kinh phí được để lại theo quy định ưu tiên sử dụng nguồn kinh phí này để thực hiện Kế hoạch lược phù hợp quy định của pháp luật.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các ban, ngành thị xã, cơ sở giáo dục nghề nghiệp; Ủy ban nhân dân các xã, phường

a) Căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, cơ quan, đơn vị được giao chủ trì các nhiệm vụ, giải pháp tại Kế hoạch này của UBND thị xã xây dựng kế hoạch giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030 và Kế hoạch hằng năm để triển khai thực hiện; định kỳ (trước ngày 30/11 hàng năm) hoặc đột xuất theo yêu cầu báo cáo tình hình thực hiện gửi Văn phòng HĐND và UBND tổng hợp báo về trên theo quy định.

b) Chủ động phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, các cơ quan có liên quan đề xuất UBND thị xã cập nhật, bổ sung các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế số, xã hội số thuộc lĩnh vực, ngành phụ trách theo hướng dẫn của sở, ban, ngành tỉnh và theo tình hình thực tế tại địa phương để triển khai thực hiện.

c) Chủ động phối hợp với Phòng Tài chính- Kế hoạch tham mưu UBND thị xã bố trí kinh phí để triển khai thực hiện nhiệm vụ, giải pháp Kế hoạch.

2. Văn phòng HĐND và UBND thị xã

a) Giúp Chủ tịch UBND thị xã theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này của UBND thị xã; định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu tổng hợp báo cáo UBND thị xã kết quả thực hiện; tham mưu tổ chức sơ kết tình hình thực hiện.

b) Đề xuất Trưởng Ban chỉ đạo cải cách hành chính; nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh và Chuyển đổi số thị xã Duyên Hải giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số trên địa bàn thị xã.

c) Làm đầu mối của UBND thị xã trong phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông triển khai các nội dung Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn thị xã.

3. Sở Tài chính: Phối hợp cơ quan liên quan tổng hợp tham mưu bố trí vốn chi thường xuyên hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước để triển khai Chiến lược.

4. Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao: Chủ động phối hợp các ban, ngành thị xã tổ chức tuyên truyền, phổ biến hoạt động phát triển kinh tế số, xã hội số trên địa bàn thị xã.

5. Đề nghị Đoàn Thanh niên: Chỉ đạo hệ thống tổ chức đoàn cơ sở cử đầu mối tới tận UBND các xã, phường, tham gia mạng lưới hỗ trợ triển khai chuyển đổi số của thị xã (Tổ Công nghệ số cộng đồng); chủ động phát động các chiến dịch đoàn viên thanh niên tuyên truyền, phổ biến kỹ năng số, hỗ trợ, hướng dẫn người dân sử dụng các dịch vụ trên môi trường số.

6. Đề nghị Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thị xã và các tổ chức chính trị - xã hội thị xã: Theo chức năng, nhiệm vụ phát huy vai trò trong tuyên truyền, vận động, giám sát thực hiện Kế hoạch; tham mưu, phản biện chính sách, pháp luật; phát động hội viên, doanh nghiệp chủ động làm chủ công nghệ, cung cấp sản phẩm, dịch vụ có chất lượng cho chuyển đổi số; tham gia cùng UBND thị xã (đầu mối là Văn phòng HĐND và UBND thị xã) trong việc tuyên truyền, phổ biến, khảo sát, đánh giá mức độ chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số; chủ động phát hiện, giới thiệu các nền tảng chuyển đổi số quốc gia trong ngành, lĩnh vực mình; tích cực tham gia sử dụng các nền tảng số trong chuyển đổi số, trong kinh tế số và xã hội số; tham gia cung cấp yêu cầu đầu vào để hỗ trợ xây dựng các nền tảng số.

Trong quá trình tổ chức thực hiện có phát sinh, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh về Chủ tịch UBND thị xã năm, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- TT TU, TT HĐND thị xã;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND thị xã;
- Ban, ngành thị xã;
- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thị xã và các tổ chức chính trị - xã hội thị xã;
- UBND các xã, phường;
- Lưu: VP, NC (Thúy).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**